

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày: 13/02/2025

Tranh chấp dân sự về hợp
đồng chuyển nhượng quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ-ĐỒNG THÁP

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch L.

2. Ông Nguyễn Minh T.

-Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh T1 là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy-Kiểm sát viên

Trong ngày 13/02/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, xét xử công khai sơ thẩm dân sự vụ án thụ lý số: 377/2023/TLST-DS ngày 15/11/2023 về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2024/QĐXXST-DS ngày 26/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS, ngày 15/01/2025 **giữa các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1961; địa chỉ: Số G, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Số G, ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn P (Văn bản ủy quyền ngày 30/10/2023). (Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.(Có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

1/ Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1980; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 2004; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/ Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 2003; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

4/ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1974; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5/ Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1983; địa chỉ: Số B, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

6/ Chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1998; địa chỉ: Số A, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2023* và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Đ đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn P trình bày: Vào năm 1998, ông Đ1 có chuyển nhượng cho ông P thửa đất số 69, tờ bản đồ 50, diện tích theo đo đạc của Tòa án là 2.423m² được thể hiện các mốc M1, M2, M3, M4, M5 về M1, đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, với giá là 25 chỉ vàng 24 kara, ông P đã giao đủ 25 chỉ vàng 24 kara cho ông Đ1 (Giao 02 lần: Lần đầu 20 chỉ, lần hai 05 chỉ) và ông Đ1 đã giao đất cho ông P quản lý sử dụng từ năm 1998 đến nay, lúc chuyển nhượng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ1 thế chấp vay tiền Ngân hàng, nên không làm thủ tục sang tên được, do đó ông Đ1 hứa sau khi thu hoạch lúa có tiền sẽ trả nợ Ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm thủ tục sang tên cho ông P, nhưng ông Đ1 không thực hiện theo lời hứa mà cứ hứa hẹn với ông P nhiều lần. Do thời gian kéo dài mà ông Đ1 chưa sang tên đất cho ông P nên ông P yêu cầu ông Đ1 làm tờ xác nhận bán đất cho ông P vào năm 2004 (tờ bán đất không có tiêu đề, ghi ngày 28/2/2004).

Sau đó nhiều lần ông P yêu cầu ông Đ1 làm thủ tục sang tên cho ông P, nhưng ông Đ1 năn nỉ ông P để cho ông có thêm thời gian, ông sẽ làm thủ tục sang tên cho ông P nhưng vẫn không thực hiện. Đến năm 2023 ông P yêu cầu ông Đ1 phải làm thủ tục sang tên đất cho ông P, sau đó ông P có gặp ông Đ1 nhưng ông Đ1 trở mặt và thách thức ông P kiện ra tòa.

Nay ông P yêu cầu ông Đ1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, làm thủ tục sang tên cho ông P diện tích đất 2.423m² thuộc thửa đất số 69 tờ bản đồ số 50, đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, hiện do hộ ông Đ1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích đất chênh lệch 123m² ông P đồng ý trả giá trị cho ông Đ1 theo giá nhà nước để nhận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 50 nói trên.

- *Ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:* Vào năm 1998, do cần tiền nên ông Đ1 có chuyển nhượng cho ông P 2.300m² đất thuộc thửa đất số 69 tờ bản đồ số 50. Diện tích theo đo đạc của Tòa án là 2.423m² được thể hiện các mốc M1, M2, M3, M4, M5 về M1, đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, giá là 25 chỉ vàng 24 kara, ông P đồng ý mua và có giao đủ 25 chỉ vàng 24 kara cho ông Đ1 nhận và ông Đ1 đã giao đất cho ông P quản lý sử dụng từ đó đến nay, việc chuyển nhượng này ông Đ1 có làm giấy tay với ông P. Do thời điểm năm 1998, giấy đất ông Đ1 đang thế chấp vay tiền Ngân hàng nông

nghiệp, nên ông Đ1 có nói với ông P khi nào có tiền trả Ngân hàng lấy giấy đất về sẽ làm thủ tục sang tên cho ông P.

Nay ông Đ1 đã trả tiền cho Ngân hàng và đã xóa thế chấp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay ông Đ1 đang quản lý.

Nay ông Đ1 đồng ý làm thủ tục chuyển nhượng đất cho ông P phần đất nói trên, trong đó có 123m² (diện tích tăng so với diện tích chuyển nhượng), nhưng ông P phải trả thêm cho ông Đ1 số tiền 70.000.000 đồng. Còn nếu ông P không đồng ý thì ông Đ1 yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đ1 với ông P, ông Đ1 đồng ý trả lại cho ông P 25 chỉ vàng 24k (Vàng thị trường) và yêu cầu ông P trả lại toàn bộ thửa đất số 69, tờ bản đồ số 50 cho ông Đ1.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 129, 500 của Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đối với hộ ông Nguyễn Văn Đ1.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn P với Nguyễn Văn Đ1.

Ông Nguyễn Văn P được tiếp tục quản lý sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế là diện tích 2.423m² loại đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ1.

Buộc hộ ông Nguyễn Văn Đ1 có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Văn P diện tích 2.423m² loại đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

Buộc ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả cho hộ ông Nguyễn Văn Đ1 giá trị của 123m² đất chuyên trồng lúa nước với số tiền là 18.450.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và nguyện vọng yêu cầu của đương sự tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Việc ông P yêu cầu hộ ông Đ1 thực hiện hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích theo như đo đạc thực tế là 2.423m², thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 50 là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đất tranh chấp tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý, giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị N2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị N2.

[2] Phần đất hiện ông P tranh chấp với ông Đ1 được xác định theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, diện tích 2.423m² được thể hiện các mốc M1, M2, M3, M4, M5 về M1 loại đất chuyên trồng lúa nước thửa đất số 69 tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BM 987371, số vào sổ CH 0971 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ1 ngày 22/7/2013, hiện trạng phần đất đang tranh chấp ông P đang sử dụng trồng Lúa đã được Hội đồng định giá huyện L định giá là 150.000 đồng/m².

[3] Xét thấy trong quá trình tố tụng ông P có cung cấp cho Tòa án Tờ mua bán đất ghi ngày 28/2/2004 có chữ ký tên và ghi họ tên Nguyễn Văn Đ1, để chứng minh cho việc ông P có nhận chuyển nhượng thửa đất số 69 tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp với hộ ông Nguyễn Văn Đ1.

Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ1 cũng thừa nhận vào năm 1998 hộ gia đình ông Đ1 có chuyển nhượng cho ông P diện tích 2.300m² loại đất chuyên trồng lúa nước, thửa đất số 69, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cho ông P với giá 25 chỉ vàng 24k (Vàng thị trường), ông P đã giao đủ vàng cho ông Đ1 và ông Đ1 đã giao đất cho ông P sử dụng từ năm 1998 đến nay. Tuy nhiên nay ông Đ1 yêu cầu ông P phải trả thêm cho ông Đ1 70.000.000 đồng, hộ ông Đ1 mới đồng ý làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông P. Nếu ông P không đồng ý thì ông Đ1 yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đ1 với ông P và ông Đ1 đồng ý trả lại cho ông P 25 chỉ vàng 24k (Vàng thị trường)

[4] Xét Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P với ông Đ1 trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, việc chuyển nhượng từ năm 1998, đến năm 2004 thì giữa ông P và ông Đ1 được thiết lập tờ bán đất vào ngày 28/2/2004, việc này cũng được ông Đ1 thừa nhận, ông P đã giao đủ 25 chỉ vàng 24k cho ông Đ1 và ông Đ1 đã giao đất cho ông P sử dụng đất từ năm 1998 đến nay, vì vậy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P với ông Đ1.

[5] Đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 50, diện tích 2.423m² được thể hiện các mốc M1, M2, M3, M4, M5 về M1, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ1 vào ngày 22/7/2013, vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Đ1 gồm có các thành viên như sau: Ông Nguyễn Văn Đ1, Võ Thị B, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị N2; việc giao dịch chuyển nhượng là do ông Nguyễn Văn Đ1 chuyển nhượng cho ông P. Tuy nhiên tại Đơn xin vắng mặt ngày 13/12/2024 các thành viên hộ ông Đ1 như Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị N2 đều thừa nhận là hộ ông Đ1 có chuyển nhượng đất cho ông P theo như trình bày của ông Đ1 và ông P.

Từ đó có đủ cơ sở chứng minh là hộ ông Đ1 có chuyển nhượng phần đất trên cho ông P, việc chuyển nhượng là được sự đồng ý của cả hộ gia đình ông Đ1.

Mặt khác việc chuyển nhượng đất giữa ông Đ1 với Phận nói trên, ông Đ1 đã giao đất cho ông P sử dụng từ năm 1998 đến nay, nhưng các thành viên hộ gia đình ông Đ1 không ai ý kiến, đồng thời tại phiên tòa ông Đ1 cũng thừa nhận là chuyển nhượng đất cho ông P lấy vàng để sử dụng vào mục đích chung cho gia đình (Làm vốn nuôi vịt). Do đó có đủ cơ sở để chứng minh là hộ gia đình ông Đ1 đã thống nhất chuyển nhượng cho ông P.

[6] Diện tích chuyển nhượng giữa ông P với ông Đ1 theo thỏa thuận là 2.300m² với giá là 25 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên diện tích theo đo đạc thực tế và diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.423m² tăng 123m². Do chấp nhận yêu cầu của ông P, công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông P với hộ ông Đ1. Do đó, ông P có nghĩa vụ trả cho hộ ông Đ1 giá trị của diện tích 123m² theo giá của Hội đồng định giá là 150.000 đồng/m².

Do vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đ1, hộ ông Đ1 có bà Võ Thị B, tuy nhiên hiện bà B đã chết, Tòa án đã yêu cầu ông Đ1 cung cấp hàng thừa kế của bà B để đưa vào tham gia tố tụng, nhưng ông Đ1 không cung cấp cho Tòa án. Do đó phần tiền 18.450.000 đồng (Giá trị 123m²) buộc ông P trả cho hộ ông Đ1, khi các hàng thừa kế của bà B có tranh yêu cầu chia thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

Do chấp nhận yêu cầu của ông P, nên việc ông Đ1 yêu cầu ông P trả thêm 70.000.000 đồng là không có căn cứ, không được chấp nhận,

Từ những phân tích như đã nêu trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy có đủ cơ sở để xác định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P với hộ ông Đ1 là có thực, việc chuyển nhượng đã được thực hiện. Do đó, ông P yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên và đồng ý trả tiếp cho hộ ông Đ1 giá trị 123m² là 18.450.000 đồng là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.
- Do ông Nguyễn Văn P là người cao tuổi được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm

[8] Về chi phí thẩm định đo vẽ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn P tự nguyện chịu 6.474.780 đồng, số tiền này ông P đã tạm nộp chi xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 116, 129, 500 của Bộ Luật Dân Sự 2015; 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đối với hộ ông Nguyễn Văn Đ1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập thông qua tờ mua bán đất ngày 28/2/2004 giữa ông Nguyễn Văn P với Nguyễn Văn Đ1.

Ông Nguyễn Văn P được tiếp tục quản lý sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế là diện tích 2.423m² loại đất chuyên trồng lúa nước, được thể hiện các mốc M1, M2, M3, M4,

M5 về M1, thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ1 vào ngày 22/7/2013.

2. Buộc hộ ông Nguyễn Văn Đ1 gồm: Ông Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị N2 có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Văn P diện tích 2.423m² loại đất chuyên trồng lúa nước, được thể hiện các mốc M1, M2, M3, M4, M5 về M1, thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

Buộc ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả cho hộ ông Nguyễn Văn Đ1 gồm: Ông Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị N2 giá trị của 123m² đất chuyên trồng lúa nước với số tiền là 18.450.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn P phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế là 2.423m² loại đất chuyên trồng lúa nước, được thể hiện các mốc M1, M2, M3, M4, M5 về M1, thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi diện tích là 2.423m² loại đất chuyên trồng lúa nước, được thể hiện các mốc M1, M2, M3, M4, M5 về M1, thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BM 987371, số vào sổ CH 0971 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ1 ngày 22/7/2013 để cấp lại cho ông Nguyễn Văn P (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do ông Nguyễn Văn Đ1 đang quản lý).

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số 09/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ huyện Lấp Vò ngày 06/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L kèm theo).

2. Án phí:

- Buộc ông Nguyễn Văn Đ1 nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn P được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm

3. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn P tự nguyện chịu 6.474.780 đồng tiền thẩm định tại chỗ và định giá, số tiền này ông P đã tạm nộp chi xong.

4. Án xử công khai đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm. Đòi với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Nơi nhận

-Các đường sự;

- THA huyện Lấp Vò;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- TAND tỉnh;
- Lưu VP.

Lê Quan Nam